

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGUỒN LAO ĐỘNG Ở NÔNG THÔN NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN XUÂN KHOÁT

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã và đang đòi hỏi phải phân tích, đánh giá đúng, đầy đủ những đặc điểm của nguồn lao động ở nông thôn; trên cơ sở đó xác định phương hướng và giải pháp sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn lực quan trọng này. Bài viết dưới đây, xin góp phần làm rõ một số đặc điểm cơ bản của nguồn lao động ở nông thôn nước ta hiện nay.

1. Nguồn lao động ở nông thôn chiếm tỷ trọng lớn và tăng nhanh

Nguồn lao động ở nông thôn nước ta hiện nay khá đông. Theo tổng cục thống kê năm 1993 là 27 triệu lao động, chiếm 73,5% lực lượng lao động cả nước. Gần 20 năm qua tỷ trọng ấy chẳng những không giảm mà còn có xu hướng tăng lên.

Bảng 1: Tỷ lệ lao động xã hội ở nông thôn

Năm	1976	1980	1985	1990	1993
Tỷ lệ %	68,0	69,9	72,2	72,3	73,5

Nguồn: Dân số - lao động - việc làm: vấn đề, giải pháp và số liệu thống kê LĐ - XH 1993

Đặc điểm này cho thấy tiềm năng lao động ở nông thôn nước ta rất to lớn và dồi dào. Hàng năm chúng ta có một lực lượng trên 1 triệu lao động trẻ bước vào độ tuổi lao động đòi hỏi phải sắp xếp việc làm, trong đó đại đa số ở nông thôn. Chỉ tính trong 3 năm 1991 - 1993 lao động nông thôn đã tăng 3,2 triệu người (trong đó: tăng tự nhiên 2,2 triệu; tăng do giảm biên chế khu vực nhà nước; do quân nhân xuất ngũ, lao động hợp tác nước ngoài trở về... khoảng gần 1 triệu người nữa). Đây là lực lượng lao động trẻ, khỏe có khả năng tiếp thu và nắm bắt kỹ thuật mới nhanh, sử dụng công nghệ mới, tiếp thu kiến thức kinh doanh tốt nếu được bồi dưỡng và đào tạo một cách chu đáo. Đồng thời điều này cũng hứa hẹn một thị trường tiêu thụ rộng lớn ở nông thôn. Tuy nhiên số lao động ở nông thôn chiếm tỷ trọng lớn và tăng nhanh lại gây sức ép rất lớn đối với việc giải quyết việc làm, làm cho mâu thuẫn giữa khả năng tạo việc làm còn hạn chế với nhu cầu giải quyết việc làm quá lớn vốn đã căng thẳng lại càng căng thẳng hơn.

2. Nguồn lao động ở nông thôn phân bố không đều giữa các ngành và các vùng

Thực tế cho thấy cơ cấu nguồn lao động ở nông thôn

hiện nay phân bố chưa hợp lý và rất lạc hậu. Gần 85% lao động làm nông nghiệp, chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi, các ngành nghề và dịch vụ khác chỉ chiếm hơn 15%. Trong khi đó thế giới đã hoàn thành việc giảm lao động trong nông nghiệp từ lâu, đang giảm lao động trong công nghiệp và tăng lao động trong lĩnh vực thông tin, dịch vụ.

Có thể thấy sự diễn biến nguồn lao động và bức tranh cơ cấu lao động ở nông thôn qua một số năm ở 2 bảng sau:

Bảng 2: Lao động nông nghiệp (đơn vị nghìn người)

Năm	1976	1980	1985	1990	1993
LDNN (nghìn người)	12.596	13.885	18.808,0	21.863,1	23.700,0

Nguồn: *Nông nghiệp VN 1945 - 1995*, NXB Thống kê, Hà Nội, 1995.

Bảng 3: Cơ cấu phân công lao động nông thôn theo ba khu vực chính

Năm	1989	1993	1994
Khu vực			
Sản xuất nông lâm nghiệp	84,9	82,6	80,6
Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	15,1	17,4	19,4

Nguồn: KT - XH nông thôn VN ngày nay, T/c *Lao động và XH* 9/93 và tổng điều tra nông thôn nông nghiệp, Tổng cục thống kê, 1994.

Điều này phản ánh lao động trong các ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn còn quá mỏng, trình độ xã hội hóa và phân công lao động còn rất lạc hậu và thấp kém. Vì vậy, vấn đề cấp thiết đã và đang đặt ra là phải thúc đẩy nhanh chóng quá trình phân công lại lao động theo hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

Mặt khác, nguồn lao động ở nông thôn phân bố giữa các vùng cũng chưa hợp lý, chủ yếu vẫn còn ở trạng thái tự nhiên hơn mà chưa hình thành rõ nét những vùng chuyên canh lớn. Các vùng có điều kiện tự nhiên, tài nguyên kinh tế - xã hội và trình độ phát triển lực lượng sản xuất khác nhau thì số lượng lao động gia tăng ở đó cũng khác nhau.

Điều này dẫn tới sự mất đối ngày càng lớn giữa lao động và tư liệu sản xuất, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và tình trạng phát triển không đều giữa các vùng thêm trầm trọng.

Bảng 4: Gia tăng nguồn lao động ở các vùng khác nhau (đơn vị: nghìn người)

Vùng	1991 - 1995			15 năm 1991 - 2005		
	Số TN vào tuổi LĐ	LĐ tăng thêm		Số TN vào tuổi LĐ	Số LĐ tăng thêm	
		S.lượng	tỷ lệ %		S. lượng	tỷ lệ %
- Cả nước	7.562	5.150	2,75	23.550	15.700	2,45
- Miền núi và TD Bắc bộ	1.197	720	2,55	3.800	2.460	2,55
- Đồng bằng sông Hồng	1.480	960	2,45	4.730	3.000	2,30
- Khu bốn cũ	1.030	860	3,75	3.230	2.370	3,00
- Duyên hải Trung bộ	870	580	3,0	2.600	1.760	2,70
- Tây nguyên	240	160	2,35	850	420	2,95
- Đồng bằng Nam bộ	1.915	1.510	3,35	5.762	5.762	2,70

Nguồn: Thị trường lao động và việc làm, Trung tâm thông tin UBKHNN 1990

3. Lao động ở nông thôn còn thiếu việc làm và thu nhập thấp

Như đặc điểm trên đã nêu, nguồn lao động ở nông thôn nước ta tập trung chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp và ngày càng gia tăng với số lượng lớn, trong khi đó bình quân ruộng đất cho một lao động quá thấp (chỉ có 0,26 ha) lại đang có xu hướng giảm dần do quá trình đô thị hóa nông thôn và diện tích đất thổ cư, chuyên dùng tăng lên...nên năng suất cây trồng, đất đai dù có tăng lên thì lao động vẫn thiếu việc làm. Thời gian lao động ở nông thôn mới chỉ sử dụng hết 1/3, nhiều nơi lao động phải chia việc để làm hoặc kéo về các thành thị để kiếm việc làm. Năm 1993, ở nông thôn còn 1,3 triệu lao động chưa có việc làm, chiếm 4,81% tổng số lao động ở nông thôn.

Mặt khác, lao động ở nông thôn chủ yếu là giản đơn, thủ công trình độ cơ giới hóa thấp, nên năng suất lao động rất thấp. Thực tế cho thấy, để sản xuất 100 kg thóc hiện nay ở nông thôn phải cần 10 - 20 ngày công lao động trong khi đó ở nhiều nước phát triển chỉ cần vài giờ, cá biệt có những nước tính bằng đơn vị phút. Năng suất lao động thấp, lại thiếu việc làm dẫn tới thu nhập thấp là điều khó tránh khỏi. Hơn nữa, tình trạng bất hợp lý trong thu nhập còn lớn; sự chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị, giữa nông nghiệp và công nghiệp...còn quá cao. Theo điều tra của Tổng cục thống kê về tình trạng giàu nghèo ở VN năm 1993, thì số hộ nghèo ở nông thôn (có mức thu nhập bình quân đầu người dưới 50 ngàn đồng 1 tháng) vẫn chiếm tới 22,14%, còn số hộ giàu (thu nhập từ 250 ngàn đồng trở lên) mới chỉ chiếm 2,29%. Đặc điểm này, ngày càng khẳng định rằng nếu chỉ sản xuất thuần nông thì nông thôn nước ta vẫn luôn thiếu việc làm và thu nhập thấp.

4. Chất lượng nguồn lao động ở nông thôn có nhiều đặc tính phù hợp với sự phát triển nhưng cũng còn nhiều hạn chế

Do những nguyên nhân lịch sử - kinh tế sâu xa, nguồn lao động ở nông thôn nước ta có bản sắc văn hóa độc đáo; có truyền thống đoàn kết yêu nước nồng nàn; có quá trình gắn bó với Đảng; có phẩm chất cần cù, chịu khó, thông minh và sáng tạo. Đó là những lợi thế quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và tham gia vào quá trình phân công hợp tác trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, nguồn lao động ở nông thôn cũng còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế hàng hoá và sự nghiệp công nghiệp, hiện đại hóa đất nước, thể hiện tập trung ở một số yếu tố chủ yếu sau:

- Về sức khỏe, các chỉ tiêu quan trọng nhất như thể lực, tầm vóc, tuổi thọ trung bình... của người lao động đều đang ở mức báo động. Khẩu phần ăn hàng ngày của một người dân mới đạt mức trung bình 1960 calo một ngày (ở nhiều nơi nhiều nhóm xã hội con số này còn ít hơn nhiều) chỉ bằng số calo của một người dân Đông Nam Á cách đây 30 năm. Chỉ tiêu bình quân đầu người, cũng như cơ cấu chỉ tiêu cho đời sống của người dân nông thôn vẫn chủ

yếu dành cho ăn uống (70,1%). Hiện nay ở nông thôn nước ta còn 40% nông dân phải sống nhà tranh, vách đất; đồ dùng gia đình hết sức sơ sài, không đủ tiêu chuẩn tối thiểu; 0,97% số hộ không có giường nằm; 4,3% số hộ không có màn; 9,5% số hộ không có chăn đắp; 55,2% hộ không đủ áo ấm về mùa đông.

Do chất lượng cuộc sống như vậy nên thể chất sức khỏe của người lao động còn nhiều hạn chế. Đa số người lao động ở nông thôn có tầm vóc nhỏ bé. So với trước, thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, chiều cao

nam thanh niên giảm trung bình 3cm, trọng lượng giảm 4kg, trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ngày càng tăng (trong vòng 5 năm trở lại đây tăng từ 11,4% lên 14,2%). Các chỉ tiêu khác cũng thấp hơn mức trung bình trên thế giới. Điều này đã, đang và sẽ ảnh hưởng trực tiếp rất lớn đến các thể hệ lao động nước ta nói chung và nông thôn nói riêng trong những năm tới.

- Về trình độ văn hóa của người lao động nông thôn cũng rất thấp. Theo số liệu tổng điều tra năm 1989, trong số 25,14 triệu lao động ở nông thôn, chỉ có 1,5 triệu người lao động có trình độ phổ thông trung học, 670.000 người có trình độ trung cấp và 250.000 người có trình độ cao đẳng trở lên. Cả nước còn khoảng 8 triệu người mù chữ, trong đó phần lớn sống ở nông thôn. Theo số liệu điều tra 1993, giáo dục phổ thông ở nông thôn xuống cấp nghiêm trọng, trên 10% học sinh bỏ học chủ yếu do gia đình kinh tế khó khăn, 62,1% số người lao động ở nông thôn không được xem phim, 70,68% không được xem biểu diễn nghệ thuật. Hệ thống thư viện ở nông thôn hầu như tan rã. Nông dân nói chung ít được tiếp xúc với sách báo...Điều đó cho thấy một sự bất cập rất lớn giữa trình độ văn hóa hay dân trí của người lao động ở nông thôn với yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề của người lao động ở nông thôn cũng ở mức rất thấp. Hầu hết là lao động giản đơn, thô sơ dựa vào kinh nghiệm là chính. Lực lượng lao động chất xám không đáng kể, lại phân bố không đều, chưa gắn với sản xuất, với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Hàng năm, đa số thanh niên nông thôn đến độ tuổi lao động bổ sung vào nguồn lao động không qua các trường lớp đào tạo nghề. Đây là yếu tố gây cản trở rất lớn đến việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tăng năng suất lao động và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn lao động ở nông thôn nước ta hiện nay.

